CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN **TRUNG TÂM DỰ BÁO** **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: TVHV-50/DBQG	*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2026*

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 21 đến 30/11/2026)

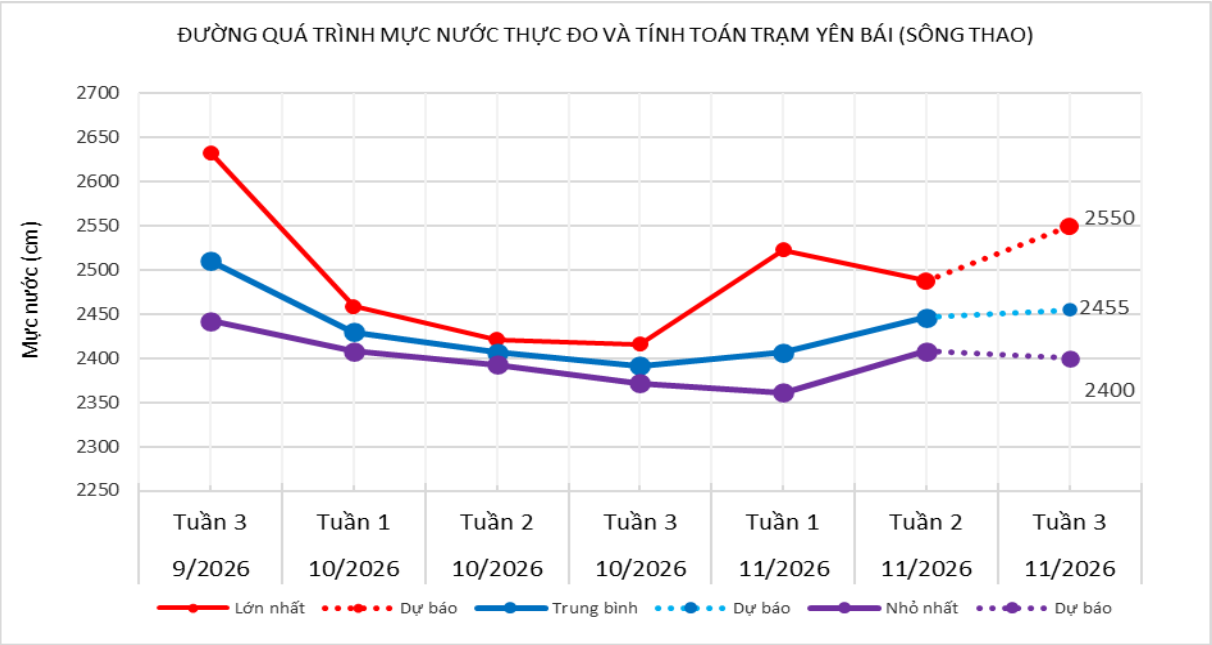
1. Lưu vực sông Hồng

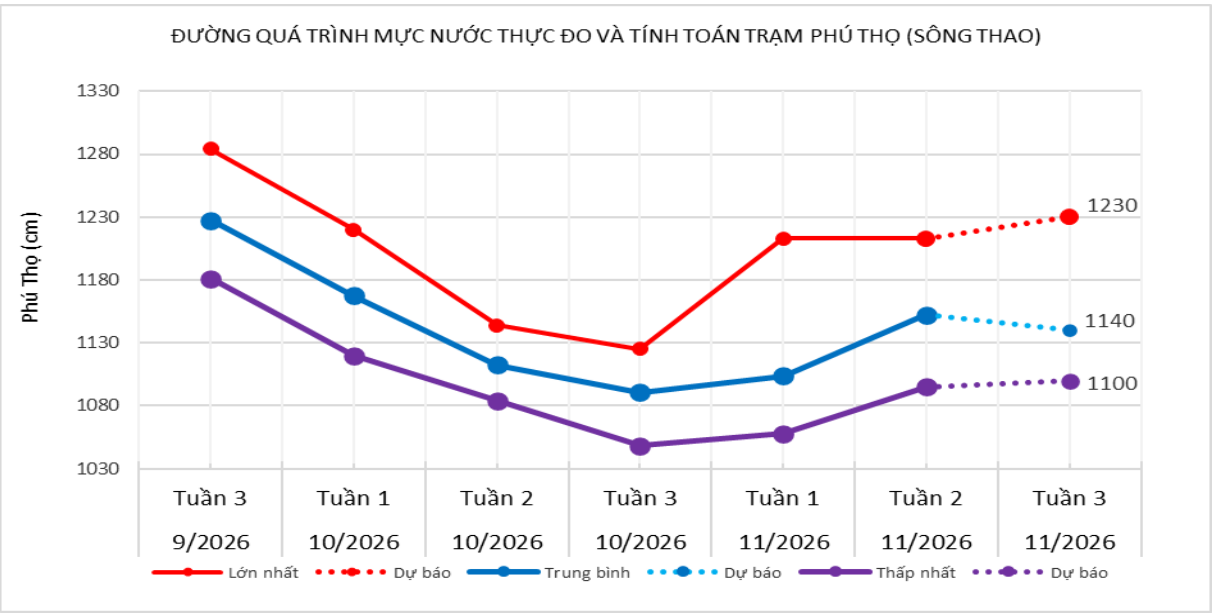
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

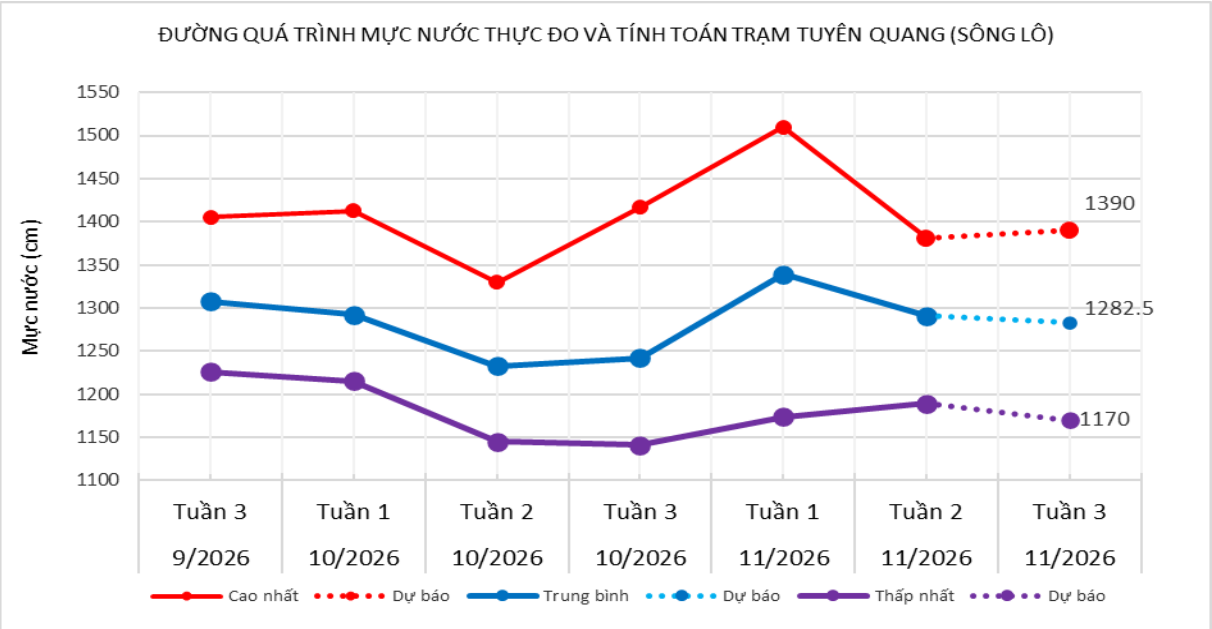
- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo thủy triều và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

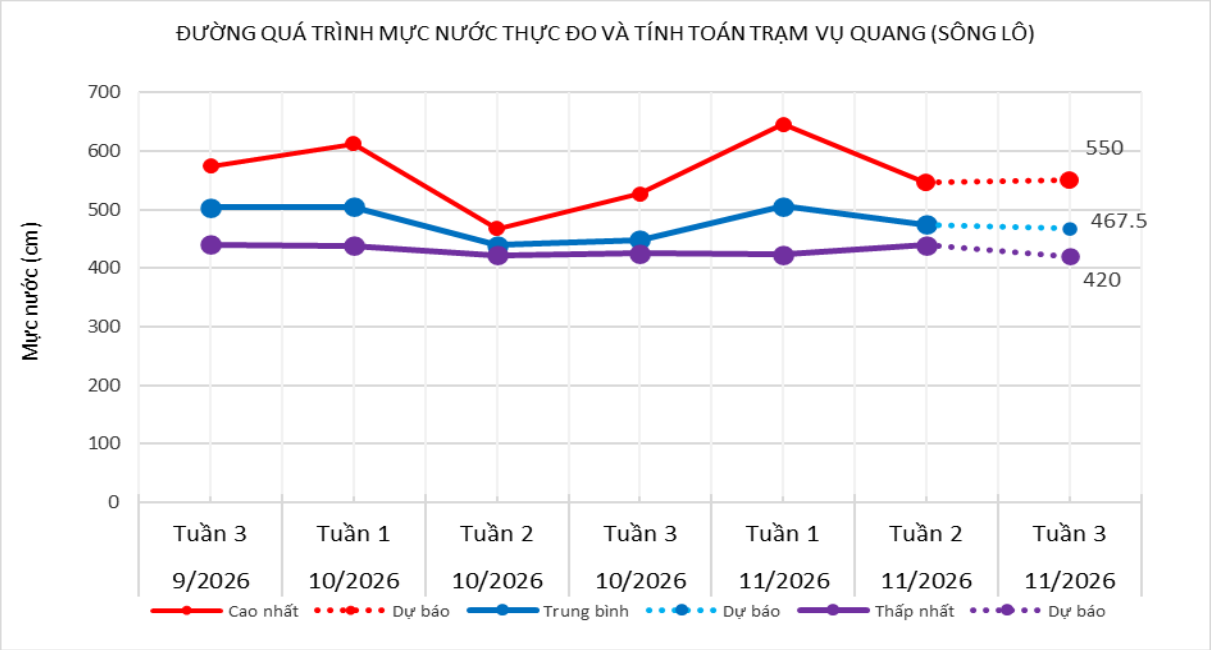
b. Dự báo, cảnh báo

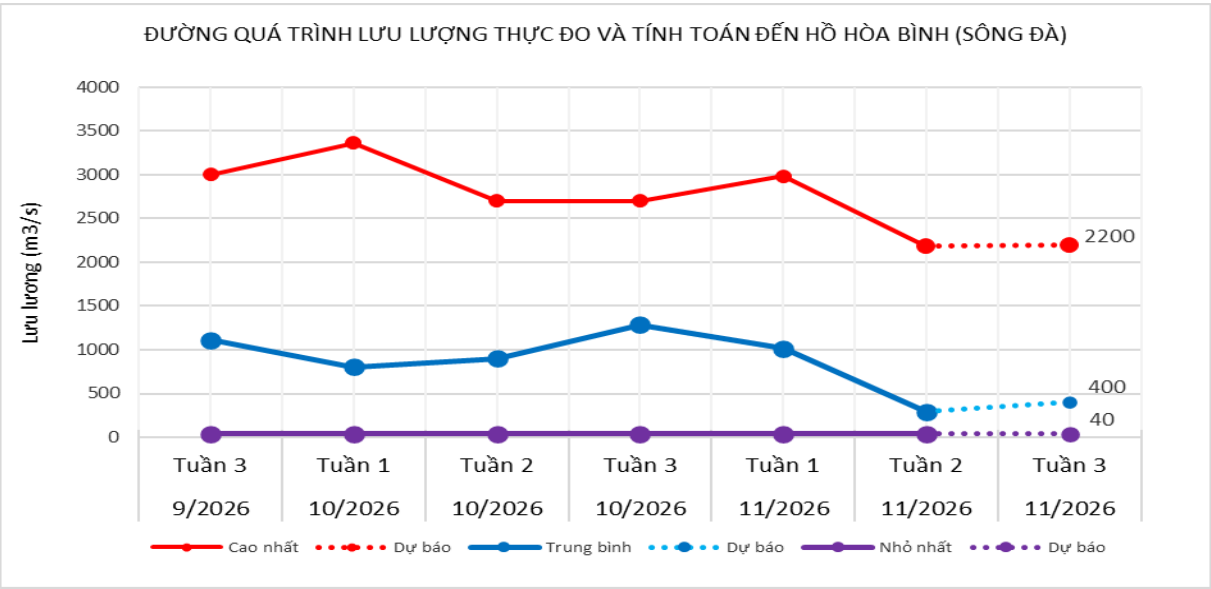
- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục dao động theo thủy triều và chịu ảnh hưởng của điều tiết các thủy điện tuyến trên.

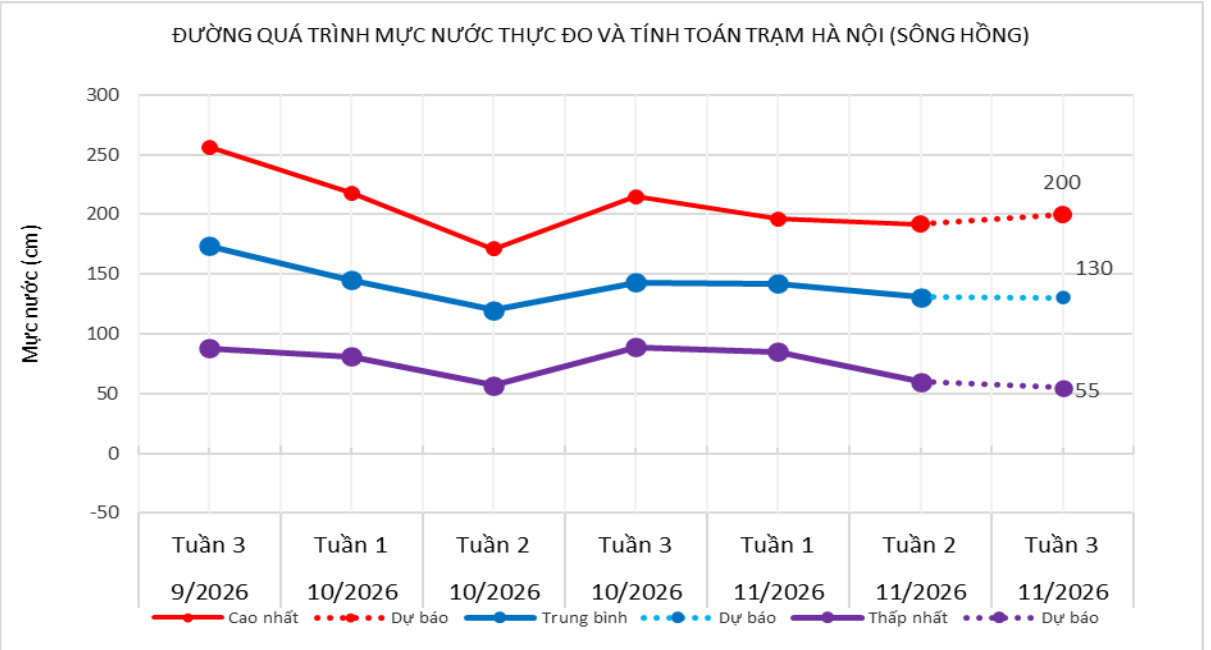

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)
Mực nước (cm)
2700
2650
2600
2550
2500
2450
2400
2350
2300
2250
2550
2455
2400
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Nhỏ nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)
Phú Thọ (cm)
1330
1280
1230
1180
1130
1080
1030
1230
1140
1100
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYÊN QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
1550
1500
1450
1400
1350
1300
1250
1200
1150
1100
1390
1282.5
1170
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
700
600
500
400
300
200
100
0
550
467.5
420
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN ĐẾN HỒ HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)
Lưu lượng (m3/s)
4000
3500
3000
2500
2000
1500
1000
500
0
2200
400
40
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Nhỏ nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)
Mực nước (cm)
300
250
200
150
100
50
0
-50
200
130
55
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

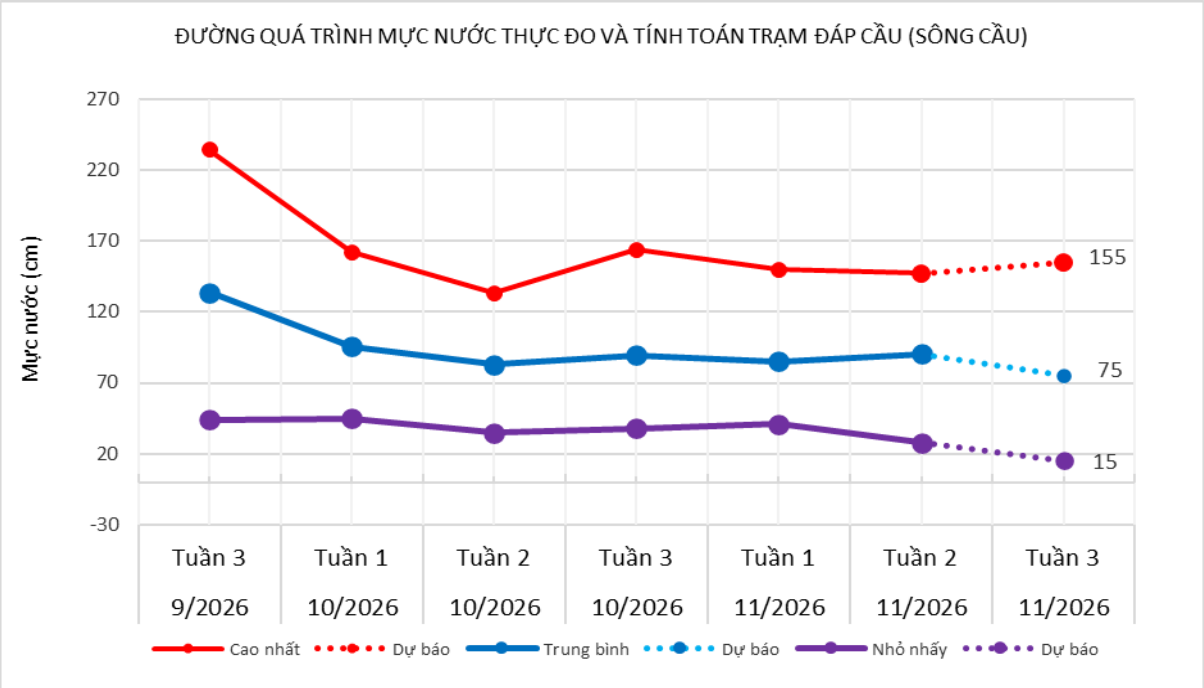
2. Lưu vực sông Thái Bình

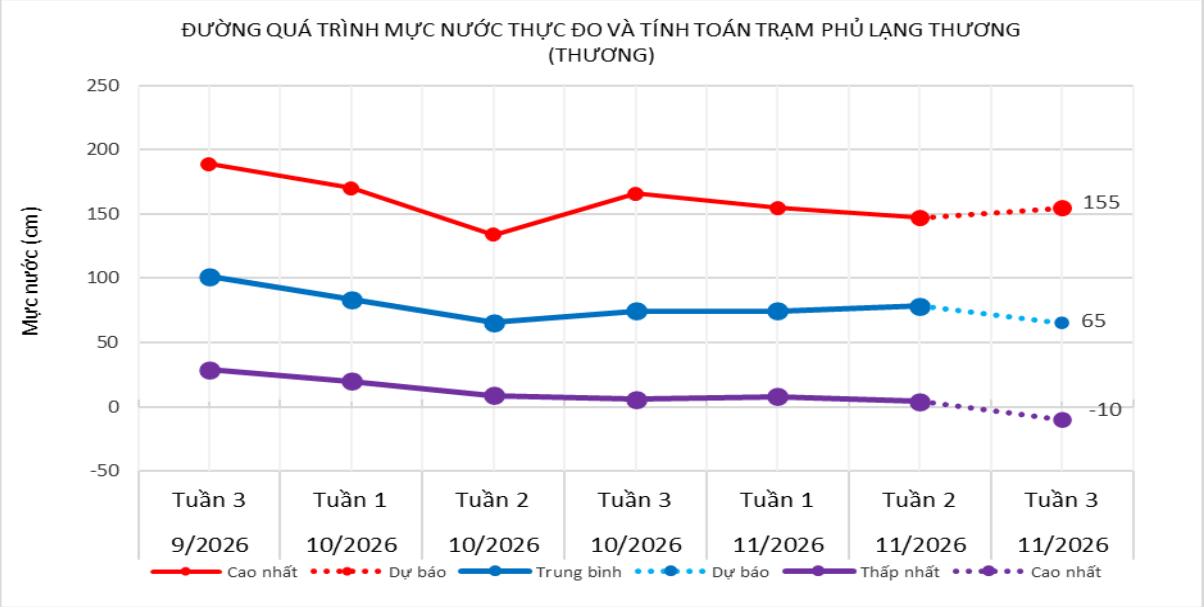
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

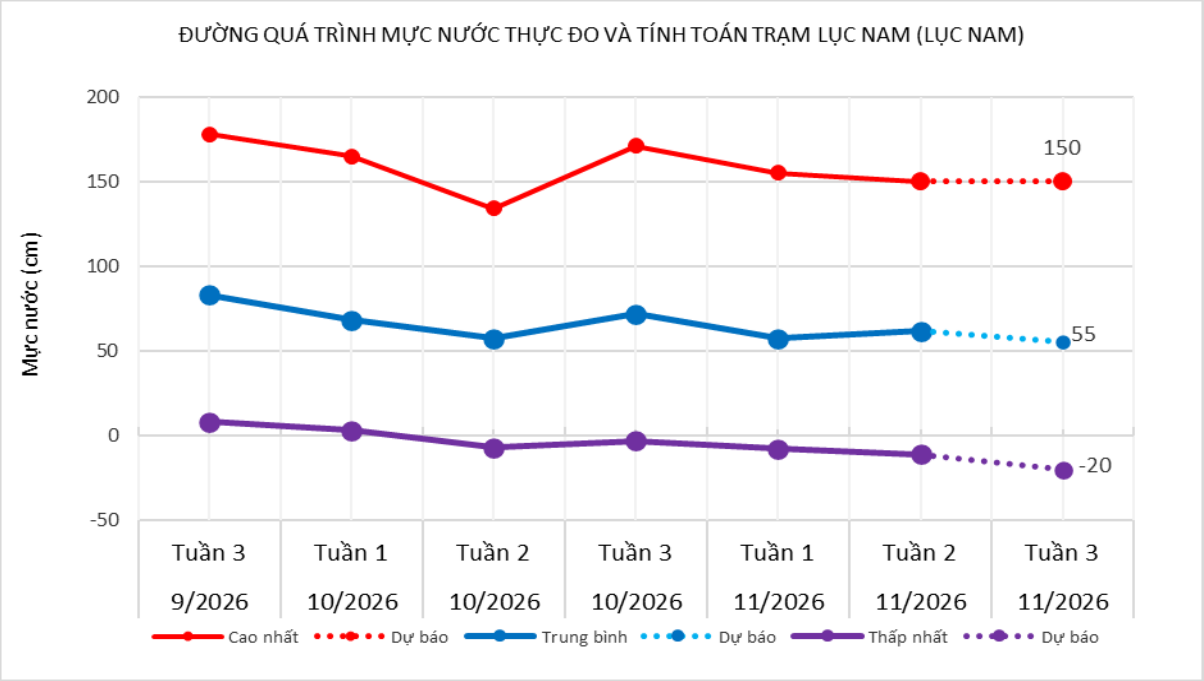
Trong 10 ngày qua, mực nước các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm; mực nước các trạm chính ở hạ lưu sông Cầu, Thương, Lục Nam và sông Thái Bình đang dao động theo thủy triều.

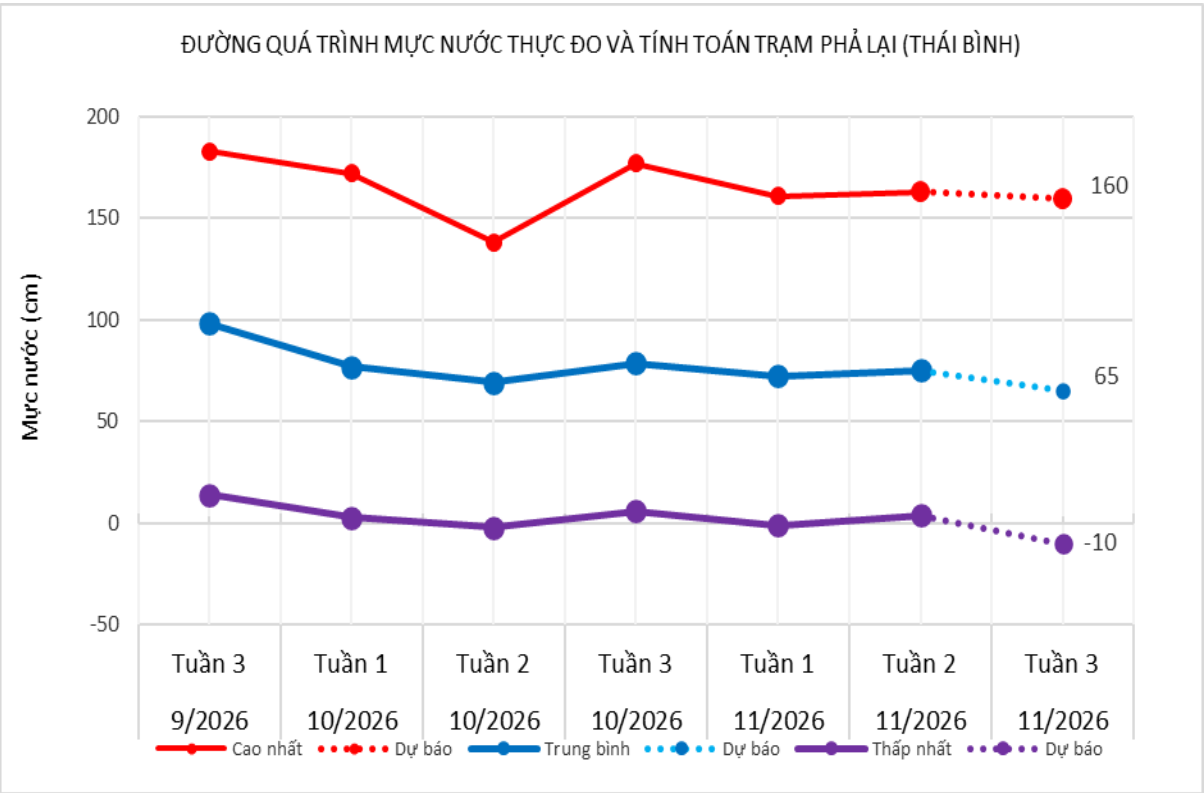
b. Dự báo, cảnh báo

Trong 10 ngày tới, mực nước các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm, mực nước các trạm chính hạ lưu sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam và sông Thái Bình tiếp tục dao động theo thủy triều.






ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LỤC NAM (LỤC NAM)
Mực nước (cm)
200
150
100
50
0
-50
150
55
-20
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHẢ LẠI (THÁI BÌNH)
Mực nước (cm)
200
150
100
50
0
-50
160
65
-10
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

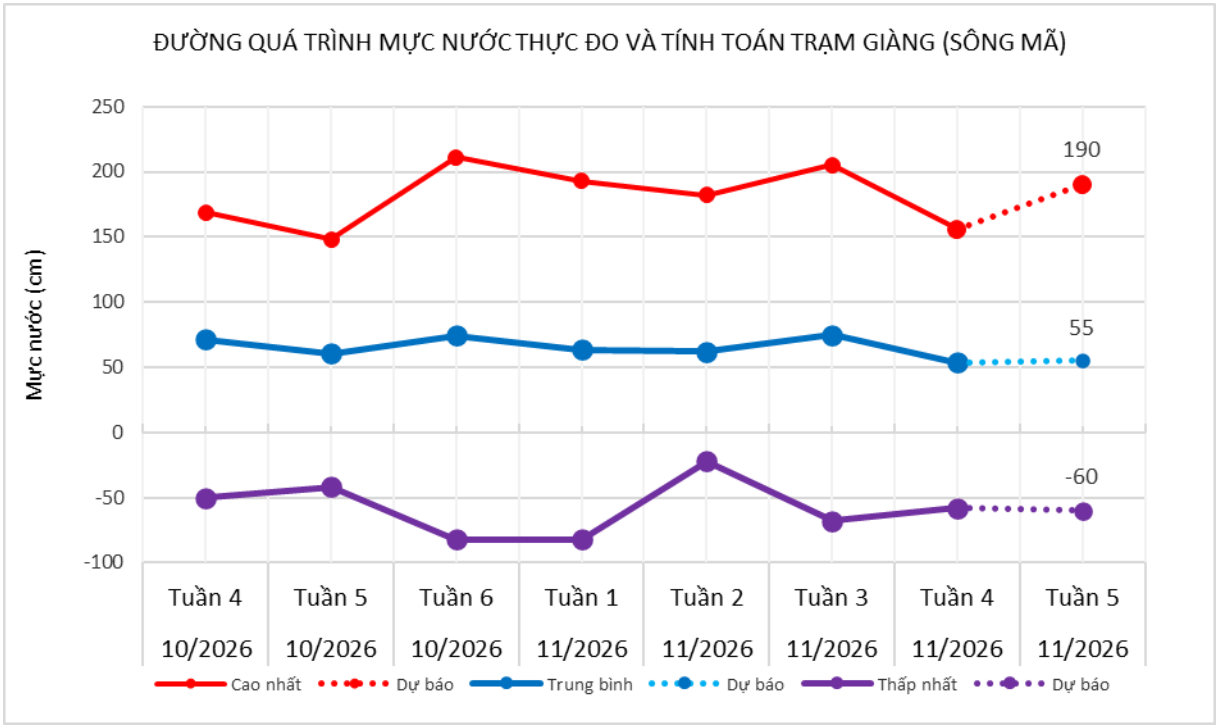
Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 5 ngày qua, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

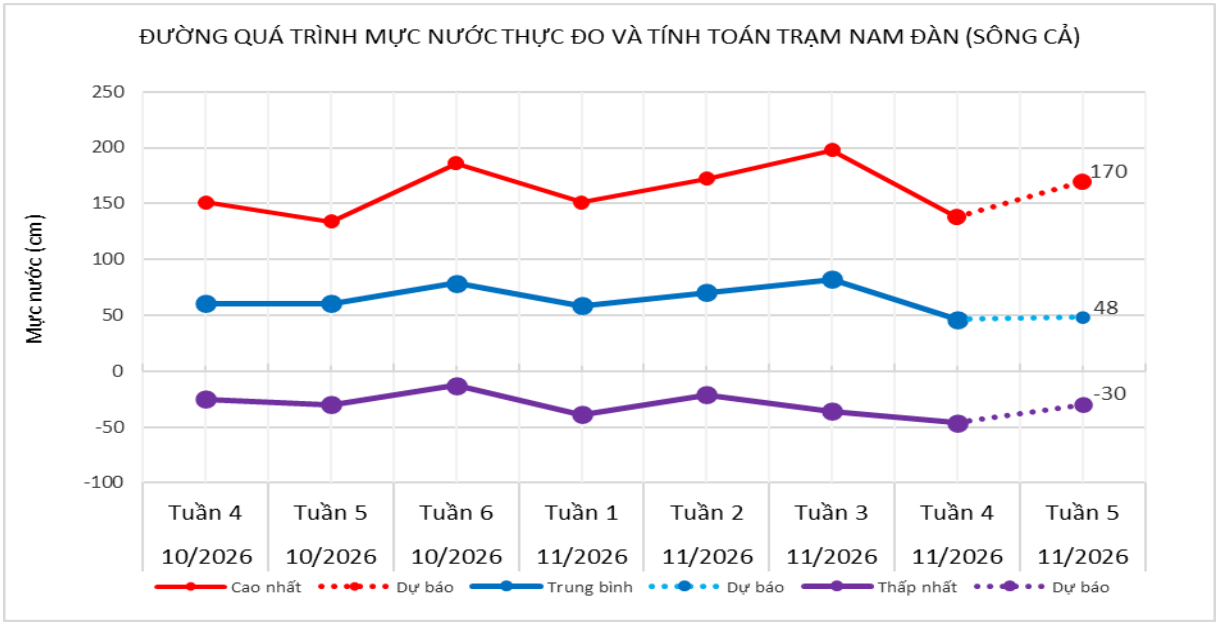
- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, trên sông Hương (thành phố Huế) xuất hiện 01 đợt lũ. Đỉnh lũ tại trạm Kim Long 1,19m (21h ngày 20/11), trên BĐ1 0,19m. Trên các sông khác ở Quảng Trị và TP Huế xuất hiện 01 đợt dao động.

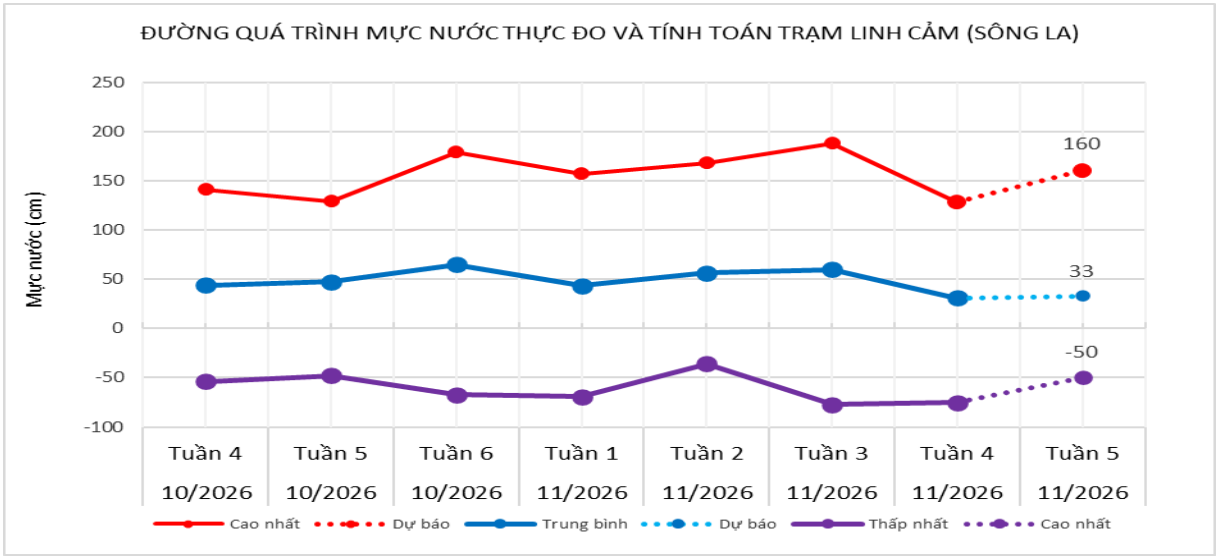
b. Dự báo, cảnh báo

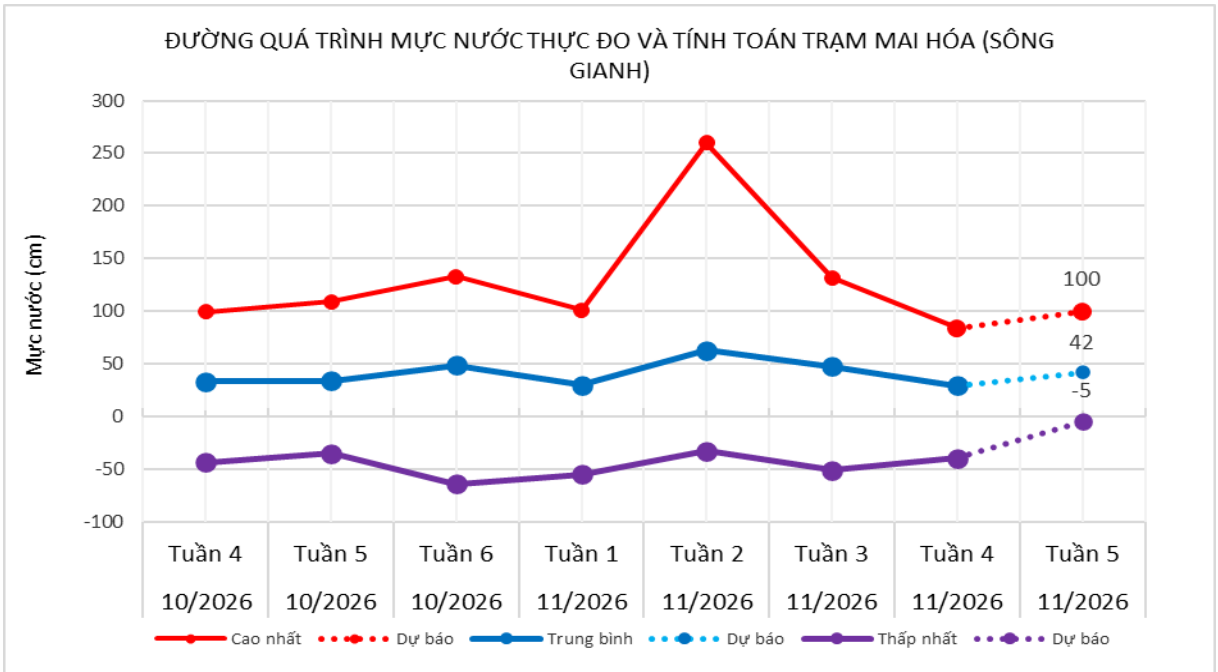
Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 5 ngày tới, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

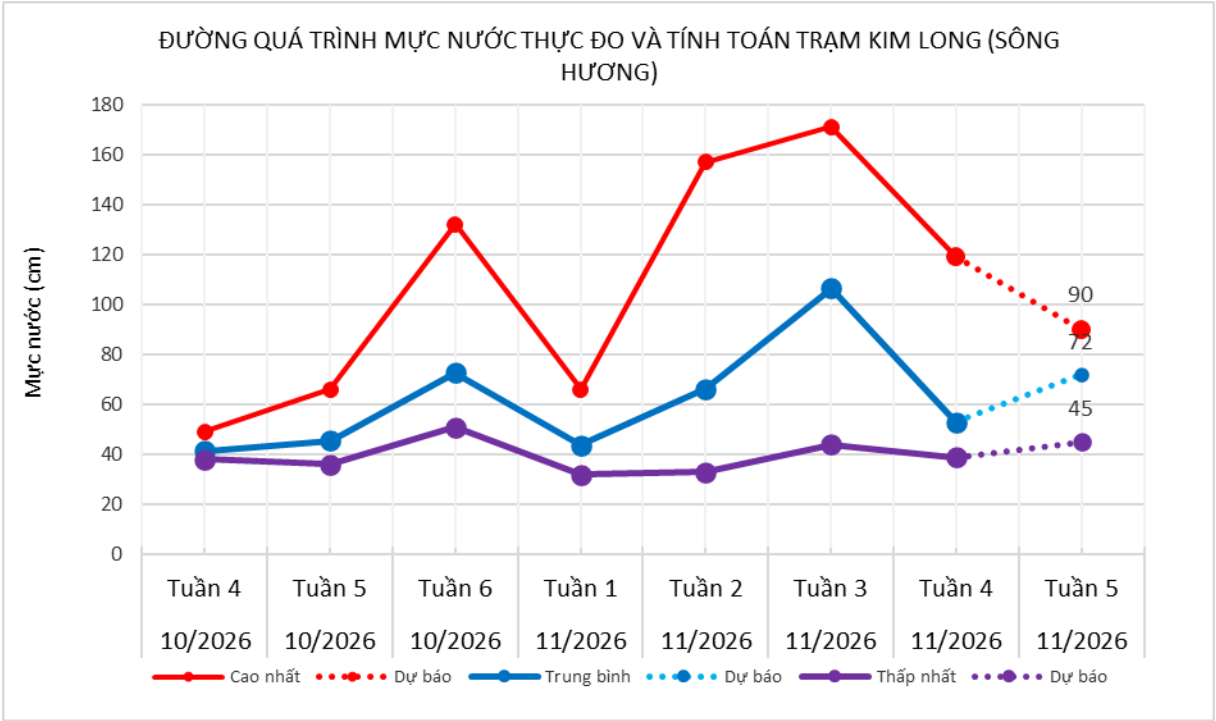
- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần tới, trên các sông có khả năng xuất hiện một đợt dao động.




ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
-100
170
48
-30
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẢM (SÔNG LA)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
-100
160
33
-50
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Cao nhất


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)
Mực nước (cm)
300
250
200
150
100
50
0
-50
-100
100
42
-5
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo



4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

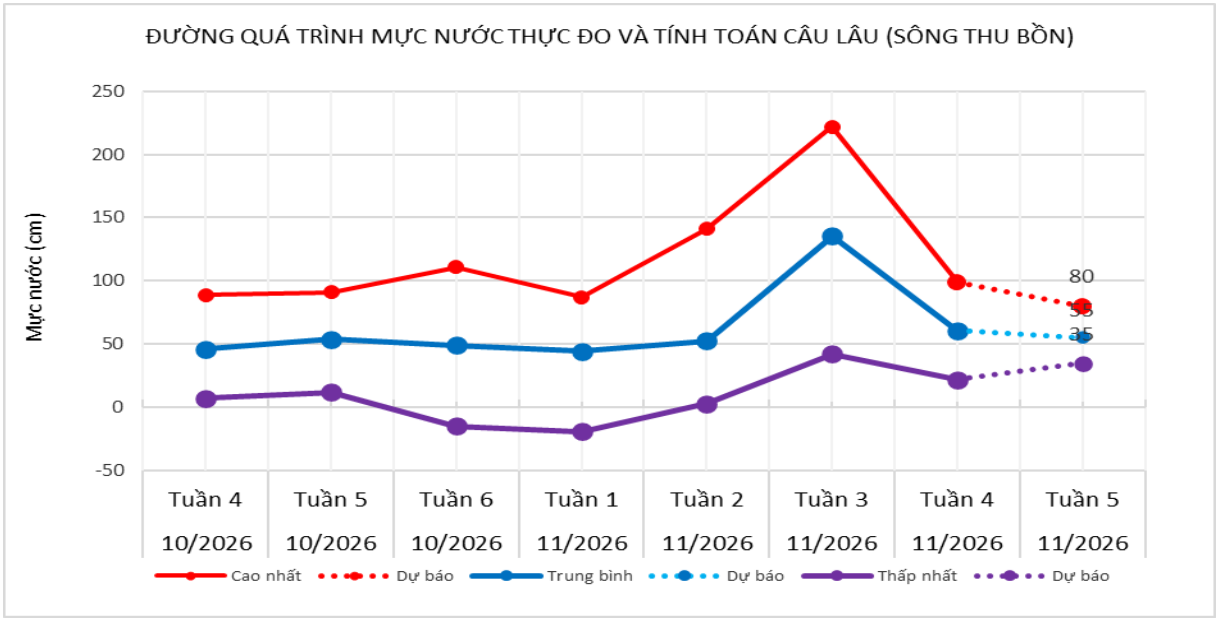
- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, mực nước trên các sông có dao động.

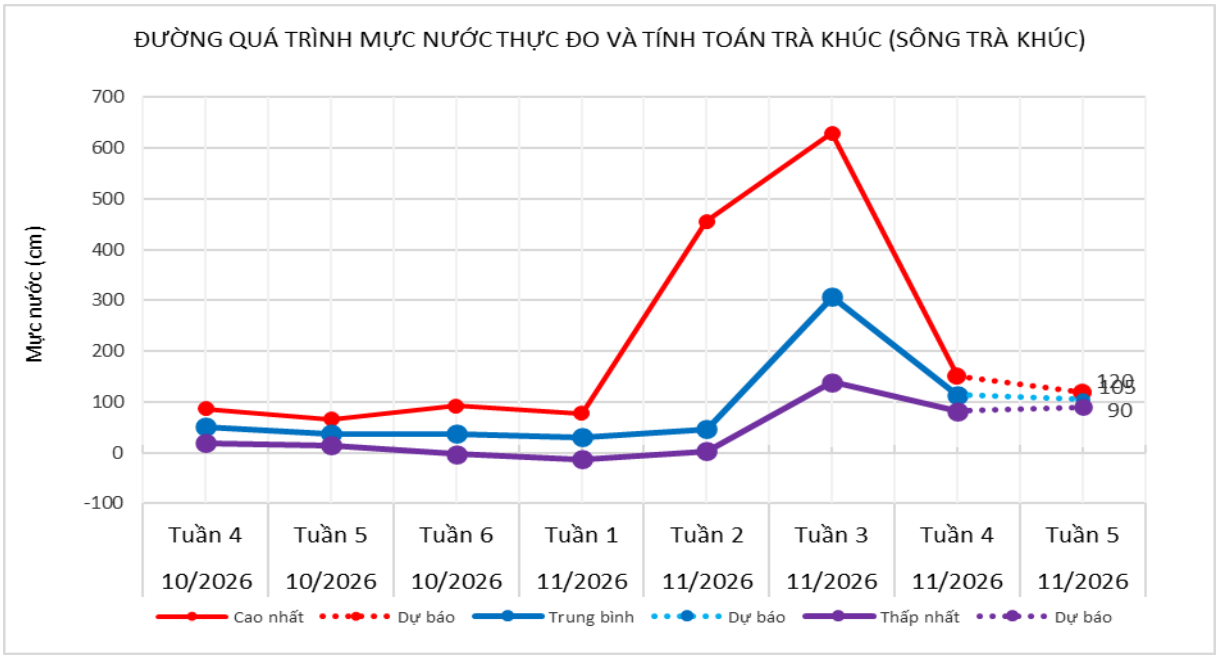
Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm, một số sông có dao động. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

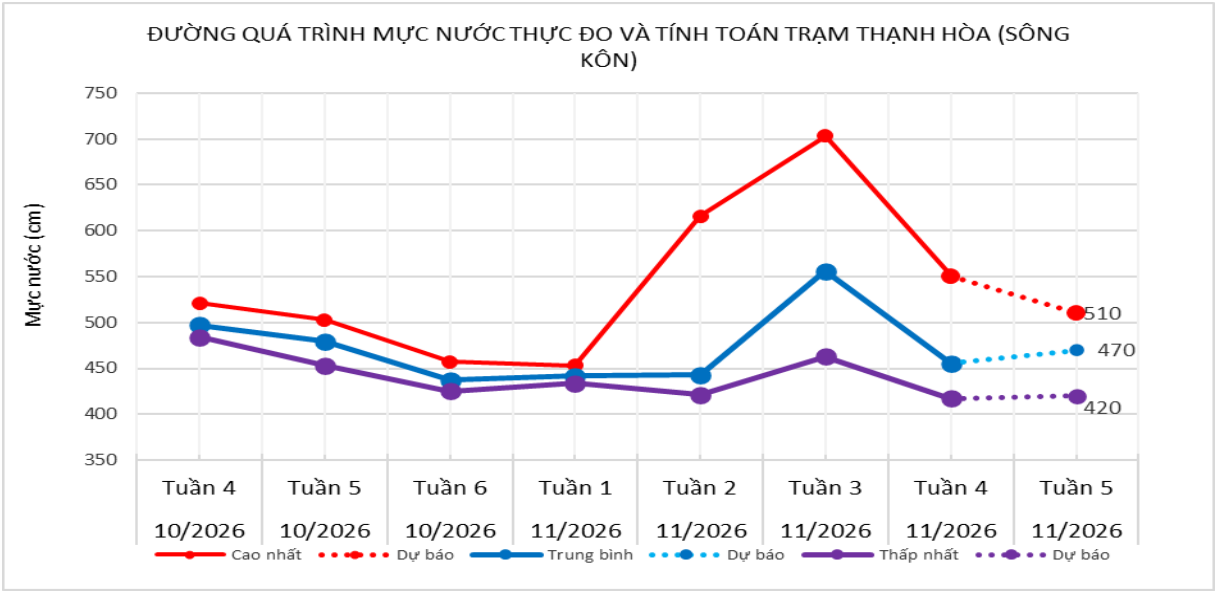
b. Dự báo, cảnh báo

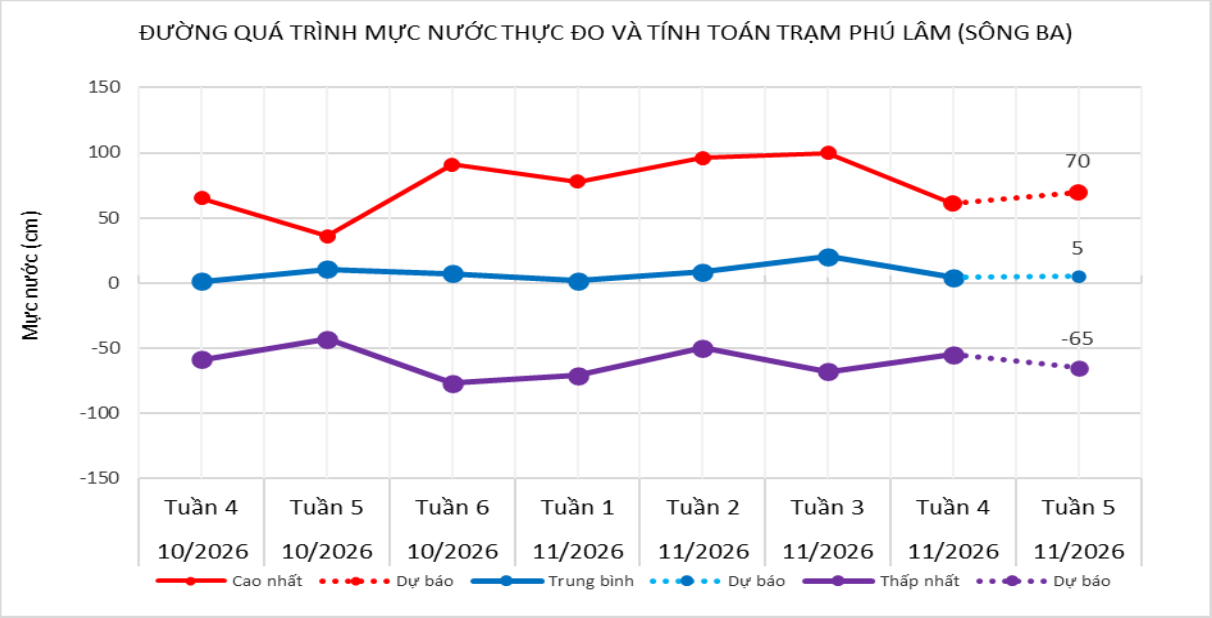
- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần tới, trên các sông có khả năng xuất hiện một đợt dao động.

Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm và có dao động. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN CÂU LÂU (SÔNG THU BỒN)
Mực nước (cm)
250
200
150
100
50
0
-50
80
35
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRÀ KHÚC (SÔNG TRÀ KHÚC)
Mực nước (cm)
700
600
500
400
300
200
100
0
-100
120
90
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM THẠNH HÒA (SÔNG KÔN)
Mực nước (cm)
750
700
650
600
550
500
450
400
350
510
470
420
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo



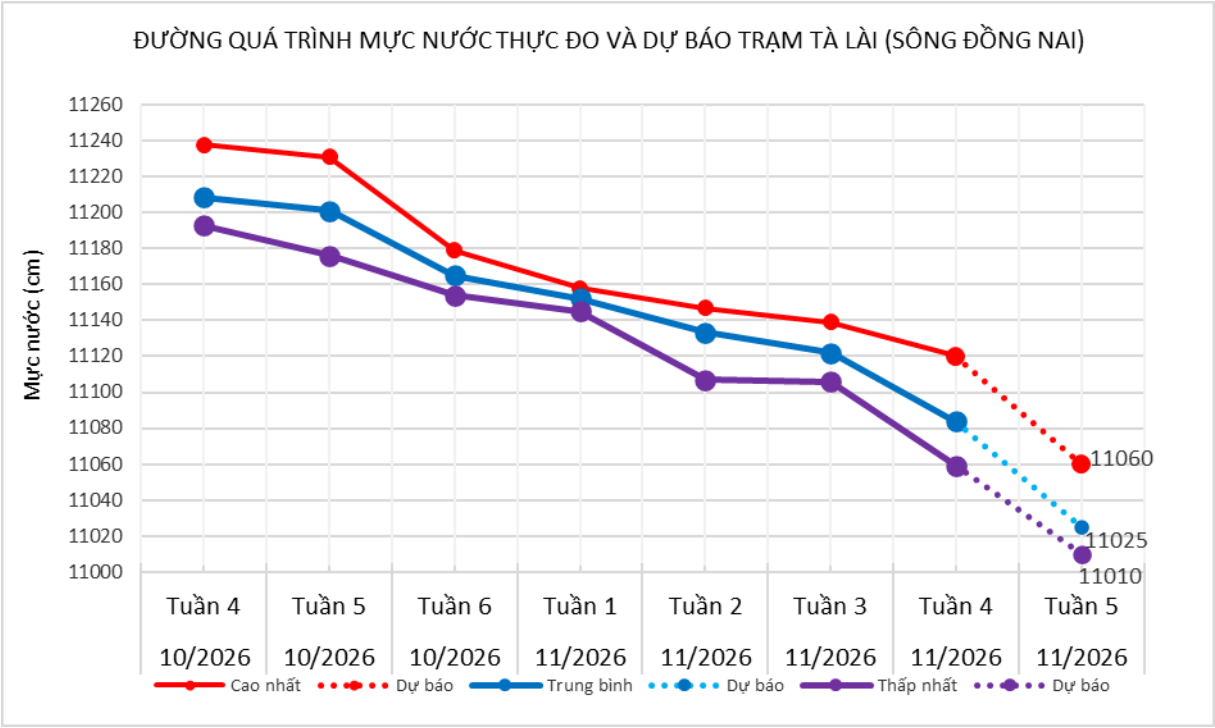
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

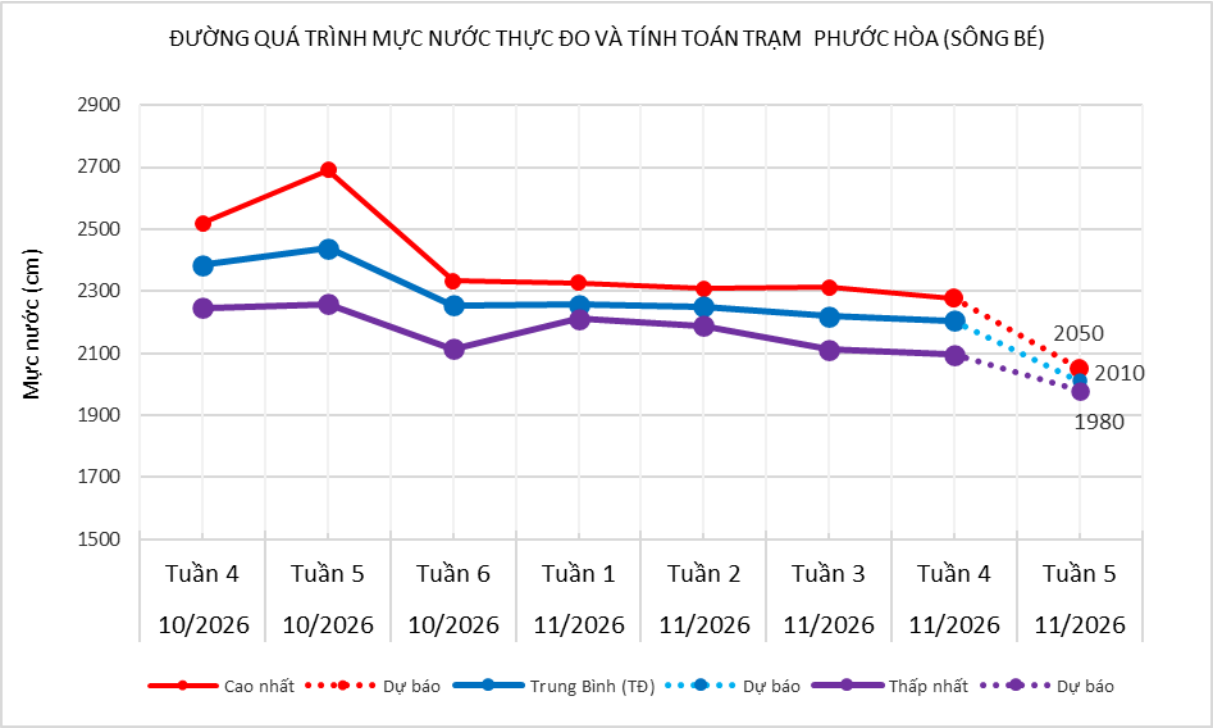
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 05 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm với xu thế xuống dần. Mực nước trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động theo điều tiết hồ chứa thuỷ điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tiếp theo, trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài biến đổi chậm với xu thế xuống dần; trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động theo điều tiết thuỷ điện thượng lưu.





6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

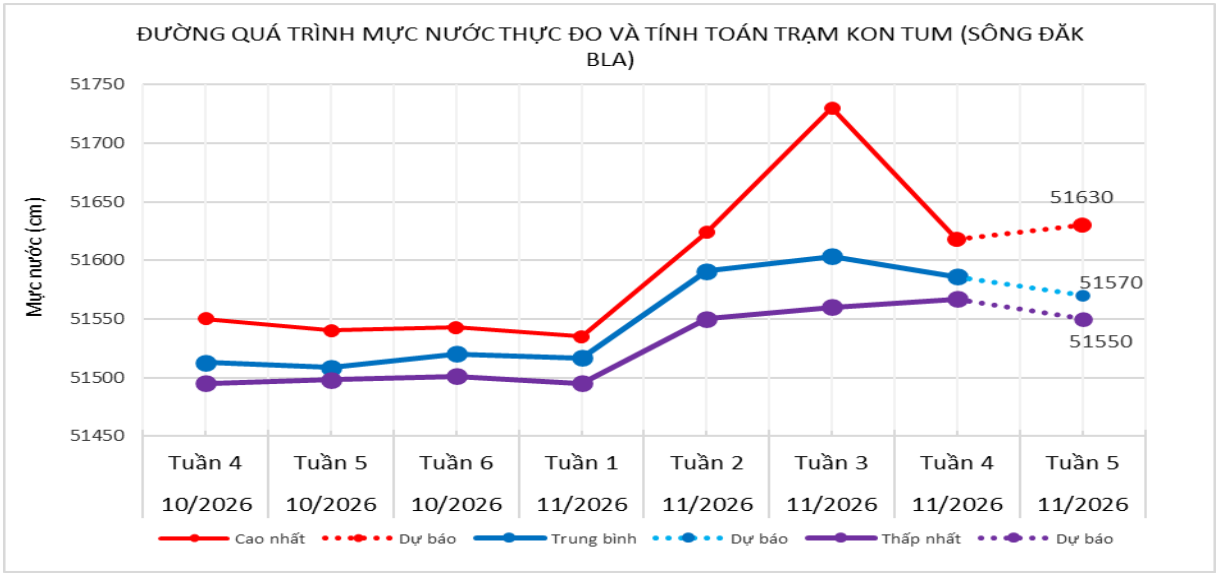
Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 5 ngày qua, mực nước trên sông Đắk Bla dao động theo điều tiết hồ chứa thuỷ điện; mực nước sông Krông Ana xuống dần; các sông phổ biến dao động theo điều tiết của hồ chứa thuỷ điện.

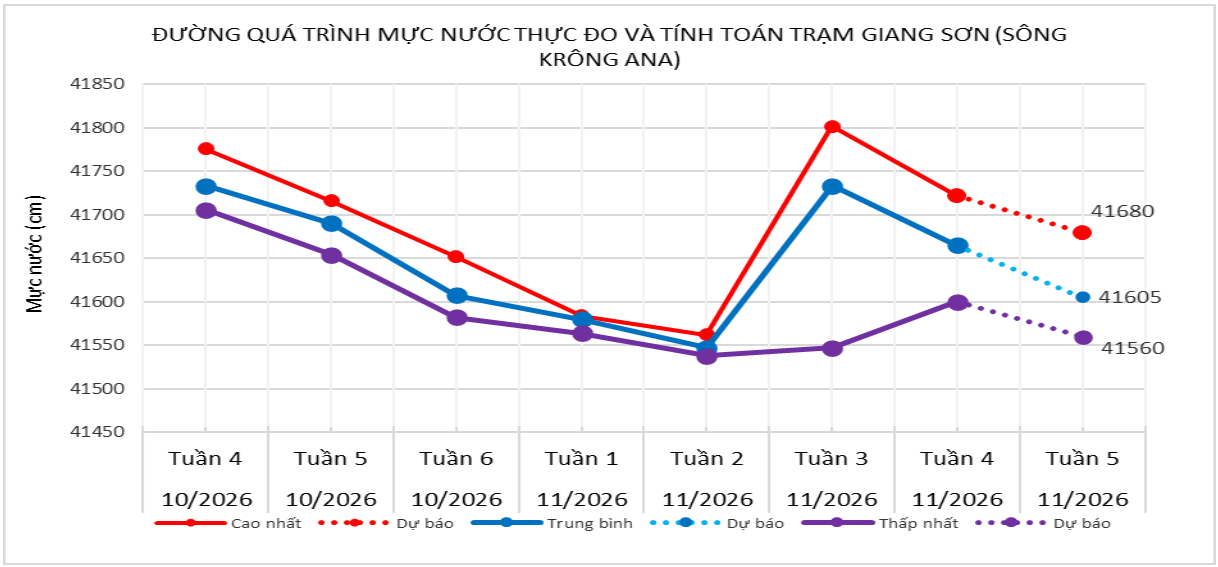
- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,13m (ngày 11/11), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,20m (ngày 11/11)

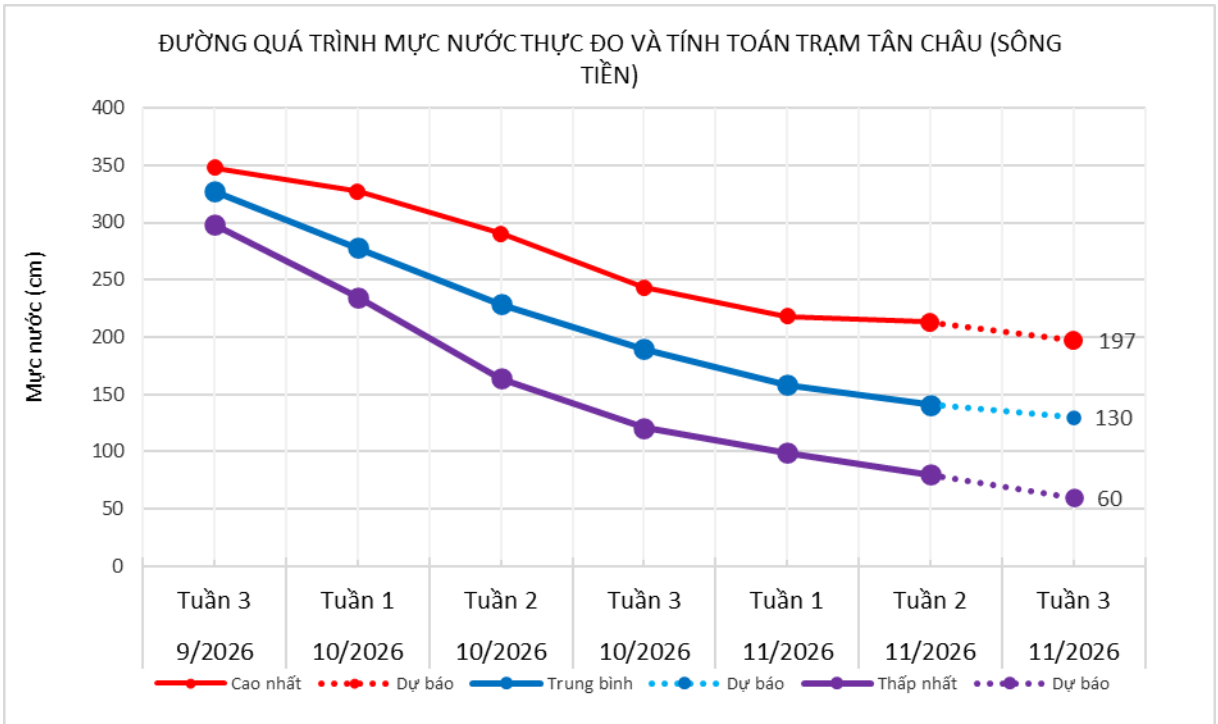
b. Dự báo, cảnh báo

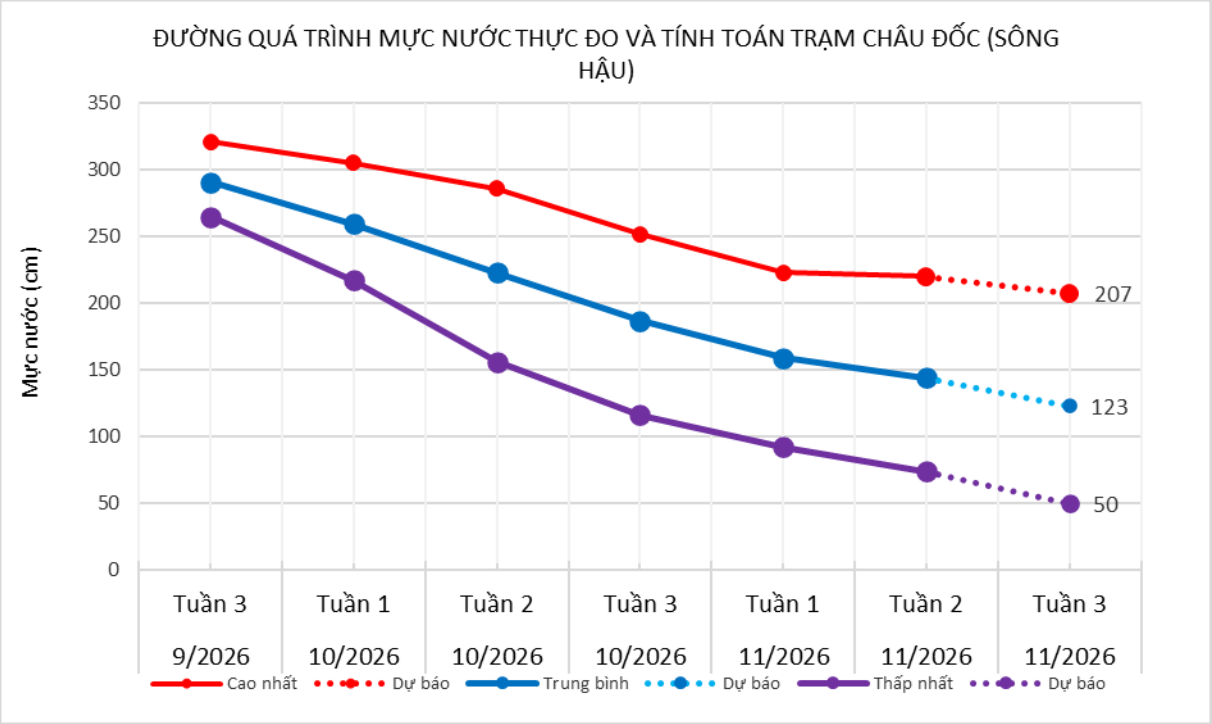
Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 5 ngày tới, mực nước trên sông Đắk Bla dao động theo điều tiết hồ chứa thuỷ điện; mực nước sông Krông Ana biến đổi chậm; các sông phổ biến dao động theo điều tiết của hồ chứa thuỷ điện.

- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày tới, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 1,97m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,07m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều.


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KON TUM (SÔNG ĐĂK BLA)
Mực nước (cm)
51750
51700
51650
51600
51550
51500
51450
51630
51570
51550
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIANG SƠN (SÔNG KRÔNG ANA)
Mực nước (cm)
41850
41800
41750
41700
41650
41600
41550
41500
41450
41680
41605
41560
Tuần 4 10/2026
Tuần 5 10/2026
Tuần 6 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Tuần 4 11/2026
Tuần 5 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TÂN CHÂU (SÔNG TIỀN)
Mực nước (cm)
400
350
300
250
200
150
100
50
0
197
130
60
Tuần 3 9/2026
Tuần 1 10/2026
Tuần 2 10/2026
Tuần 3 10/2026
Tuần 1 11/2026
Tuần 2 11/2026
Tuần 3 11/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo



Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 26/11/2026

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	378	2183	40	420	2200	40	380	1800	40	400	2200	40
Thao	Yên Bái	2447	2489	2408	2460	2550	2410	2450	2520	2400	2455	2550	2400
Thao	Phú Thọ	1152	1213	1095	1150	1230	1100	1130	1200	1100	1140	1230	1100
Lô	Tuyên Quang	1288	1381	1189	1285	1390	1185	1280	1385	1170	1282.5	1390	1170
Lô	Vụ Quang	474	546	439	470	550	440	465	540	420	467.5	550	420
Cầu	Đáp Cầu	90	147	28	70	130	20	80	155	15	75	155	15
Thương	Phủ Lạng Thương	77	147	4	60	130	-5	70	155	-10	65	155	-10
Lục Nam	Lục Nam	62	150	-11	50	125	-20	60	150	-20	55	150	-20
Hồng	Hà Nội	131	192	60	125	190	55	135	200	85	130	200	55

Thái Bình	Phả Lại	79	163	4	60	135	-10	70	160	-10	65	160	-10
Mã	Giàng	54	156	-58	55	190	-60						
Cả	Nam Đàn	46	138	-46	48	170	-30						
La	Linh cảm	31	128	-75	33	160	-50						
Gianh	Mai Hóa	31	84	-40	42	100	-5						
Hương	Kim Long	55	119	39	72	90	45						
Thu Bồn	Câu Lâu	59	99	22	55	80	35						
Trà Khúc	Trà Khúc	113	152	82	105	120	90						
Kôn	Thạnh Hòa	453	544	418	470	510	420						
Đà Rằng	Phú Lâm	4	61	-40	5	70	-65						
Đăkbla	Kon Tum	51580	51618	51567	51570	51630	51550						
Krông Ana	Giang Sơn	41651	41722	41600	41605	41680	41560						
Đồng Nai	Tà Lài	11083	11120	11059	11025	11060	11010						
Bé	Phước Hòa	2203	2278	2095	2010	2050	1980						
Tiền	Tân Châu	144	213	80	140	197	84	120	180	60	130	197	60
Hậu	Châu Đốc	143	220	74	135	207	77	110	185	50	123	207	50